

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NH  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 8 - 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Chí Ngãi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Tấn Hùng.
2. Bà Nguyễn Thị A Nga.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Tiên Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Phương A, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường NL, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn PN, xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2021, bản trình bày ngày 01/4/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Phương A, trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi số 72 ngày 17 tháng 10 năm 2017.

Sau khi kết hôn, được 03 tháng, chị A mang thai, khi đi khám thai nhi, kết quả thai nhi có vấn đề nhưng chị A vẫn mong muốn giữ còn anh T và gia đình anh T thì không, xuất phát từ việc này nên giữa chị A, anh T phát sinh mâu thuẫn; chị A về nhà cha mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2018, hiện đang sống với chị A, khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tính từ tháng 3 năm 2021 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Tại bản tự khai ngày 01 tháng 4 năm 2021, chị A rút yêu cầu Tòa án giải quyết việc anh T cấp dưỡng cho cháu K.

Về tài sản chung: Không có và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hồ sơ không thể hiện ý kiến của anh T.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân, tranh chấp nuôi con chung giữa anh T và chị A.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không trình bày ý kiến, bị đơn vắng mặt tất cả các lần theo Giấy triệu tập của Tòa nhưng không có lý. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm vào các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Phương A;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Phương A được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị A tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2018. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 04/3/2021, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn chị Võ Thị Phương A đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa; chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị A là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Phương A và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 72 ngày 17 tháng 10 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống, giữa Chị A và anh T có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên chị A và anh T đoàn tụ, nhưng anh T không gửi văn bản trình bày ý kiến và

không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh T không quan tâm đến sự hàn gắn tình cảm trong quan hệ vợ chồng, phù hợp với lời trình bày của chị A tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Võ Thị Phương A được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị A và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20 năm 8 năm 2018. Hiện cháu K đang ở với chị A; đồng thời, anh T không có yêu cầu nhận nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu K, nên chấp nhận yêu cầu của chị A được tiếp tục nhận trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu. Do đó, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Võ Thị Phương A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Phương A được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao cho chị Võ Thị Phương A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 20 tháng 8 năm 2018. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Phương A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân Và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0004709 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Phương A và anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện NH;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- THADS huyện NH;
- UBND xã HT, huyện NH;
- Lưu Hồ sơ + Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Chí Ngãi**